

Số: **2000/2023/QĐST-HC**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH**

Áp dụng Điều 3; điểm g, h khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 42/HCST ngày 09 tháng 12 năm 2014, về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính”;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Hành chính sơ thẩm thụ lý số 42/HCST ngày 09 tháng 12 năm 2014, về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính”,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn kiện ngày 03/10/2014, tự khai bổ sung ngày 24/8/2022, người khởi kiện - bà Nguyễn Thị R yêu cầu:

1. Hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở (gọi tắt là GCN QSHNƠ và QSDĐO) vào sổ số 1780/2001 ngày 12/02/2001 do Ủy ban nhân dân (gọi tắt là UBND) Thành phố H cấp cho ông Trần Văn T và bà Phạm Thị T và tất cả các GCN cấp trước và sau thời điểm của GCN 1780/2001, liên quan đến nhà đất tọa lạc tại số 242/7/11 Đường N, Phường B, Quận B, Thành phố H – nhà hàng xóm (gọi tắt là số 1)

2. Hủy GCN QSHNƠ và QSDĐO vào sổ số 327/GCN-2004 do UBND Quận B cấp ngày 22/4/2004 cho ông Vang Anh V và bà Nguyễn Thị O và tất cả các GCN cấp trước và sau thời điểm của GCN 327/GCN-2004, liên quan đến nhà đất tọa lạc tại số 242/7/9 Đường N, Phường B, Quận B, nhà hàng xóm (gọi tắt là số 2)

3. Hủy Giấy phép xây dựng số 855/GPXD do UBND Quận B cấp ngày 17/9/2010 cho ông Nguyễn Trung C và bà Nguyễn Thị Kim N đối với nhà đất số 258 Đường N, Phường B, Quận B và hủy bỏ phần hoàn công, giấy chủ quyền nhà – nếu có, nhà hàng xóm (gọi tắt là số 3).

4. Yêu cầu UBND Quận B chấm dứt mọi hành vi từ chối cấp GCN QSHNƠ và QSDĐO đối với nhà đất số 256 Đường N, Phường B, Quận B (nhà của bà Nguyễn Thị R) và cấp đổi GCN QSDĐO đúng quy định có diện tích nhà đất giống chủ quyền cũ gốc mua hợp lệ ngày 13/8/1969, (gọi tắt là số 4).

Theo đơn đề ngày 28/6/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà

Nguyễn Thị Hồng L có yêu cầu, giống với yêu cầu của người khởi kiện, nên không phải là yêu cầu độc lập.

XÉT THẤY:

[1]. Đối với khởi kiện (1):

Ngày 21/6/2009, bà R có đơn xin trích lục bản sao GCN vào sổ số 1780/2001 ngày 12/02/2001 do UBND Thành phố H cấp (nhà 242/7/11 Đường N), Tức là bà R có biết số GCN này.

Ngày 29/5/2009, bà R gửi đơn đến UBND Phường B khiếu nại về việc cấp GCN của nhà 242/7/11, lần thông hành

Ngày 14/8/2009, UBND Quận B có Văn bản 778/UBND trả lời khiếu nại cho bà R về việc cấp GCN của nhà 242/7/11 Đường N và có đề cập đến GCN vào sổ số 1780/2001 ngày 12/02/2001 của UBND Thành phố H.

Ngày 14/8/2009, Sở Xây dựng cũng có Văn bản 6641/SXD-CCQNĐ giải quyết khiếu nại của bà R về việc cấp GCN 1780/2001

Ngày 09/10/2009, UBND Quận B trả lời lại đối với khiếu nại của bà R đã được giải quyết tại Văn bản 778/2009/UBND.

Ngày 05/9/2011, Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trả lời đơn khiếu nại của bà R liên quan đến nội dung cấp GCN vào sổ số 1780/2001

Ngày 01/11/2011, UBND Thành phố H có Văn bản 5444/UBND-PCNC trả lời đơn của bà R về việc cấp GCN 1780/2001.

Do đó năm 2014 bà R khởi kiện yêu cầu hủy GCN vào sổ số 1780/2001, là hết thời hiệu khởi kiện. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện theo điểm g khoản 1 Điều 143 Luật TTHC năm 2015.

Đối với khởi kiện yêu cầu hủy tất cả các GCN cấp trước hay sau thời điểm cấp GCN vào sổ số 1780/2001, thì không rõ số GCN. Tòa án đã yêu cầu bà R cung cấp thông tin khởi kiện cụ thể, nhưng bà R không cung cấp được. Đình chỉ khởi kiện theo điểm h khoản 1 Điều 143 Luật TTHC năm 2015.

[2]. Đối với khởi kiện (2):

Ngày 21/6/2009, bà R có đơn xin trích lục bản sao GCN vào sổ số 327/GCN-2004 ngày 22/4/2004 do UBND Quận B cấp (nhà 242/7/9 Đường N). Tức là bà R có biết số GCN này.

Ngày 13/7/2009, UBND Phường B, Quận B có Văn bản 87/UBND trả lời khiếu nại cho bà R về việc cấp GCN của nhà 242/7/9 Đường N và có đề cập đến GCN vào sổ số 1780/2001 ngày 12/02/2001 của UBND Thành phố H.

Ngày 31/8/2010, UBND Quận B có Văn bản số 948/UBND trả lời bà R về việc cấp GCN của căn nhà 242/7/9 Đường N.

Ngày 01/11/2011, UBND Thành phố H có văn bản 5444/UBND-PCNC trả lời đơn của bà R về việc cấp GCN của căn nhà 242/7/9 Đường N.

Do đó năm 2014 bà R khởi kiện yêu cầu hủy GCN vào sổ số 327/GCN-2004, là hết thời hiệu khởi kiện. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện theo điểm g khoản 1 Điều 143 Luật TTHC năm 2015.

Đối với khởi kiện yêu cầu hủy tất cả các GCN cấp trước hay sau thời điểm cấp GCN vào sổ số 327/GCN-2004, thì không rõ số GCN. Tòa án đã yêu cầu bà R cung cấp thông tin khởi kiện cụ thể, nhưng bà R không cung cấp được. Đình chỉ khởi kiện theo điểm h khoản 1 Điều 143 Luật TTHC năm 2015.

[3]. Đối với khởi kiện (3):

Ngày 18/01/2011, UBND Quận B có giải quyết khiếu nại của bà R, đối với việc xây dựng mới của căn nhà 258 Đường N; bà R khiếu nại việc cấp giấy phép xây dựng số 855/GPXD ngày 17/9/2010 của UBND Quận B. Tức là bà R biết GPXD số 855/GPXD.

Ngày 13/5/2011, UBND Quận B có Văn bản 455/UBND trả lời đơn của bà R khiếu nại GPXD 855/GPXD

Ngày 22/8/2011, bà R khiếu nại đến Sở Tài nguyên và môi trường liên quan đến cấp GPXD 855/GPXD (Việc khiếu nại không theo đúng trình tự khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền), tuy nhiên qua đó bà R có biết GPXD 855.

Do đó năm 2014 bà R khởi kiện yêu cầu hủy Giấy phép xây dựng 855/GPXD ngày 17/9/2010 của UBND Quận B, là hết thời hiệu khởi kiện. Đình chỉ khởi kiện theo điểm g khoản 1 Điều 143 Luật TTHC năm 2015.

Đối với khởi kiện hủy bỏ phần hoàn công – nếu có, không phải yêu cầu cụ thể và không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo Điều 3 Luật TTHC năm 2015. Nên không thụ lý, không xét.

[4]. Đối với khởi kiện (4):

Đơn kiện ngày 03/10/2014 Bà R kiện yêu cầu UBND Quận B về hành vi từ chối cấp GCN QSHNO và QSDĐ đối với nhà đất số 256 Đường N, Phường B, Quận B (nhà của bà Nguyễn Thị R). Vì trước đó Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận B có Văn bản 378/TNMT ngày 20/6/2014 trả lời cho bà R: *Phòng chưa hướng dẫn thủ tục đo vẽ hiện trạng nhà đất để bổ túc hồ sơ xin cấp GCN được...*

Xét theo quy định của pháp luật đất đai năm 2003 (Luật đất đai năm 2003 có hiệu lực từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014), Cơ quan tiếp nhận hồ sơ xin cấp GCN QSHNO và SDD là Phòng tài nguyên và môi trường Quận - huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai. Cơ quan có thẩm quyền xét cấp GCN QSHNO và SDD là Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền.

Xét Văn bản 378/TNMT ngày 20/6/2014 của Phòng Tài nguyên và môi trường Quận B trả lời: *không hướng dẫn đo vẽ (hiện trạng nhà đất xin cấp GCN)*

...trước khi thực hiện thủ tục để được cấp GCN. Do đó không phải là hành vi Từ chối cấp GCN QSHNO và SDD của Ủy ban nhân dân Quận B.

Xét bà R kiện hành vi Từ chối cấp GCN của UBND Quận B, thể hiện qua văn bản 378/2014/TNMT nêu trên, là chưa đúng.

UBND Quận B chưa phát sinh hành vi cụ thể trong việc Từ chối cấp GCN, thuộc đối tượng khởi kiện, theo như đơn kiện của bà R. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện theo điểm h khoản 1 Điều 143 Luật TTHC năm 2015.

[5]. Xét khởi kiện (4) là khởi kiện về hành vi từ chối cấp GCN của UBND Quận B; còn khởi kiện (1), (2), (3) là yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở (nhà hàng xóm), hủy Giấy phép xây dựng (của nhà hàng xóm).

Áp dụng Điều 116 Luật TTHC năm 2015: *Thời hiệu khởi kiện chỉ tính từ khi biết, nhận quyết định hành chính. Trường hợp có khiếu nại theo đúng quy định pháp luật, thì thời hiệu khởi kiện 01 năm kể từ khi nhận, biết quyết định giải quyết khiếu nại hoặc hết thời hạn giải quyết khiếu nại, mà người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại không trả lời.*

Khởi kiện (4) không phải là quyết định giải quyết khiếu nại của khởi kiện (1), (2), (3).

[6]. Án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị R, số Căn cước công dân 036137000695, sinh năm 1937, thuộc trường hợp Người cao tuổi, nên miễn án phí hành chính sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 42/HCST ngày 09 tháng 12 năm 2014, về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính”, giữa:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị R

Địa chỉ: 256 Đường N, Phường B, Quận B, Thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng L

Người bị kiện: 1. Ủy ban nhân dân Quận B

Địa chỉ: 99-99A Đường T, phường V, Quận B, Thành phố H

2. Ủy ban nhân dân Thành phố H

Địa chỉ: 86 Đường L, phường B, Quận M, Thành phố H

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc Anh K

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn T

2. Bà Phạm Thị T

Cùng Địa chỉ: 242/7/11 Đường N, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Ông Vang Anh V

4. Bà Nguyễn Thị O

Cùng Địa chỉ 242/7/9 Đường N, Phường B, Quận B, Thành phố H

5. Ông Nguyễn Trung C

6. Bà Nguyễn Thị Kim N

Cùng địa chỉ: 258 Đường N, Phường B, Quận B, Thành phố H

7. Bà Nguyễn Thị Dung

Địa chỉ: 213/18 đường D, Phường M, quận B, Thành phố H

8. Bà Nguyễn Thị Thu

Địa chỉ: 23 đường N, quận G, Thành phố H

9. Ông Nguyễn Ngọc M

10. Ông Nguyễn Ngọc H

11. Ông Nguyễn Ngọc C

12. Bà Nguyễn Thị Hồng L

Cùng địa chỉ: 256 Đường N, Phường B, Quận B, Thành phố H

13. Bà Nguyễn Thị N

Địa chỉ: 315 đường T, Quận N, Thành phố H

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

2.1. Quyền khởi kiện giải quyết lại vụ án của đương sự, được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 144 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

2.2. Án phí hành chính sơ thẩm: miễn án phí cho bà R. Hoàn trả 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho bà R, theo phiếu thu số AB/2012/08568 ngày 20/10/2014 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận Bình Thạnh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này hoặc kể từ ngày Quyết định này được niêm yết công khai theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TP HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

Nguyễn Minh Hiếu